

Bản án số:394/2023/DS-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Bà Phạm Thị Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2023/TLST-DS ngày 07/7/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 397/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp A, V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Phường b, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

*2. Bị đơn:*

2.1 Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970

2.2 Ông Nguyễn Sỹ H1, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày :

Do có mối quan hệ quen biết nên bà L có cho bà Phạm Thị T mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 850.000.000 đồng. Bà T đồng ý khi nào bà L cần tiền thì bà T sẽ trả lại nhưng khi bà L yêu cầu thì bà T không trả tiền. Do đó, bà T có làm giấy vay nợ và cam kết sẽ trả số tiền trên trong tháng 3 hoặc tháng 4 năm

2023 nhưng bà T vẫn không thực hiện. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T và chồng ông Nguyễn Sỹ H2 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 850.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Bị đơn, bà Phạm Thị T có đơn trình bày ý kiến như sau: Bà T có vay của bà L số tiền 850.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền vì bà T làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Đối với yêu cầu của bà L buộc bà T và ông Nguyễn Sỹ H1 là chồng bà T cùng có trách nhiệm trả nợ thì bà T có ý kiến như sau: Khoản vay 850.000.000 đồng của bà L nợ riêng của bà T, không liên quan đến ông H1, ông H1 không biết việc bà T vay nợ. Bà T đề nghị bà L gia hạn thời hạn thanh toán khoản vay do hiện nay bà T đang gặp khó khăn về kinh tế. Về phần lãi suất: Do khi vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất nên bà T không đồng ý trả lãi. Bị đơn, ông Nguyễn Sỹ H1 có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ông H1 và bà T là vợ chồng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên ly thân từ nhiều năm nay. Bà T kinh doanh sạp trái cây cùng em gái, ông H1 chạy xe kiếm sống, vợ chồng độc lập về tài chính. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H1 không biết việc bà T vay tiền của bà L và không được sự đồng ý của ông H1, ông H1 không ký giấy mượn nợ, số tiền bà T vay không phục vụ nhu cầu của gia đình, ông H1 cũng không sử dụng số tiền này nên số tiền nợ bà L là nợ cá nhân của bà T, ông H1 không liên quan và không đồng ý trả nợ.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bà Đặng Thị Thúy H trình bày: Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông H1 phải liên đới trả cho bà L số tiền 850.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/5/2023 đến ngày 31/8/2023 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương số tiền là 28.333.333 đồng. Lý do, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vì khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Sỹ H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị L có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H1. Bị đơn, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H1 có địa chỉ cư trú tại quận T nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T1 là chồng của bà Lê Thị L có đơn trình bày xác định số tiền bà L cho bà T vay là tiền cá nhân của bà L, không liên quan đến ông T1 và đề nghị Tòa án không đưa ông T1 tham gia tố tụng trong vụ án giữa bà L với bà T, ông H1. Do đó, Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn T1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu buộc bị đơn, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H1 phải trả tiền nợ gốc là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 28.333.333 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ vào tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận của bị đơn bà Phạm Thị T thì có cơ sở xác định bà T có vay số tiền 850.000.0000 đồng của bà L. Tuy nhiên, bà T xác nhận số tiền vay của bà L là nợ cá nhân bà T, không liên quan đến ông H1. Ông Nguyễn Sĩ H2 trình bày khoản vay trên là nợ cá nhân của bà T, ông H2 không biết, không liên quan đến khoản vay của bà T nên ông H2 không có trách nhiệm trả nợ khoản vay của bà L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không chứng minh được việc vay tiền của bà T có sử dụng cho mục đích tiêu dùng của gia đình, giấy vay tiền chỉ có cá nhân bà T ký vay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông H2 cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là không có căn cứ chấp nhận yêu cầu. Việc vay tiền do cá nhân bà T nên cá nhân bà T phải có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán từ 01/5/2023 cho đến khi Tòa án xét xử, xét thấy: Mặc dù khi ký giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất. Bà T hẹn hạn cuối thanh toán tiền cho bà L là tháng 4/2023 nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ 01/5/2023 cho đến khi Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về thời hạn trả nợ: Bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L do đó bà L yêu cầu bà T trả một lần số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền còn nợ cho nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị L:

1.1 Buộc bị đơn bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/5/2023 đến ngày 31/8/2023 là 28.333.333 đồng. Tổng cộng, bà T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc và lãi là 878.333.333 (tám trăm bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị L về việc buộc ông Nguyễn Sỹ H1 cùng có trách nhiệm với bà Phạm Thị T trả tiền nợ cho bà Lê Thị L.

2. Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp, bà Phạm Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải trả tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thực hiện cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 38.350.000 (ba mươi tám triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Phạm Thị T phải nộp.

Hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023312 ngày 6/7/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Út**